

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 637/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2018

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Cúc;

2. Bà Đỗ Thị A.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Toà án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 418/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 418/2018/QĐXX - ST ngày 29 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Cảnh T, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: 308 chung cư Trần Văn Kiêu, Phường A, Quận B, Thành Phố H.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: 12A Nguyễn Lâm, Phường C, Quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/6/2018 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông Nguyễn Cảnh T trình bày: Ông và Bà Trần Thị Kim H tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B ngày 18/3/2015. Quá trình chung sống được hơn 01 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà H tính tình ích kỷ, không quan tâm, chăm sóc cho ông dù hoàn cảnh gia đình chỉ có hai vợ chồng. Ông T đã nhiều lần yêu cầu bà H chia sẻ sự yêu thương với nhau nhưng không có kết quả. Mặc dù, vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Ông T đã dọn ra ngoài ở riêng và bà H cũng không có ý kiến gì. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nên xin được ly hôn với bà H.

- Về con chung: Ông T khai không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T khai hai bên tự thỏa thuận tài sản chung và hiện không phải thực hiện nghĩa vụ tài sản với ai.

Bị đơn Bà Trần Thị Kim H tại bản tự khai xác định quá trình chung sống và kết hôn đúng như Ông T trình bày. Tuy nhiên, bà xác định hai vợ chồng vẫn sống chung một nhà. Bản thân bà vẫn còn tình cảm và cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nên bà không đồng ý ly hôn với Ông T. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn mà Ông T trình bày là có nhưng bà mong muốn được có cơ hội khắc phục lại quan hệ hôn nhân này.

Về con chung: Bà H khai không có con chung.

Tài sản chung và nợ chung: bà H khai hai bên tự thỏa thuận tài sản chung và hiện không phải thực hiện nghĩa vụ tài sản với ai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 44, quyển 01/2015 ngày 18/3/2015 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B Thành phố Hồ Chí Minh, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa Ông Nguyễn Cảnh T và Bà Trần Thị Kim H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, nay Ông T yêu cầu ly hôn là tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn bà H hiện đang cư trú tại địa chỉ 12A Nguyễn Lâm, Phường C, Quận B, Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Xét bị đơn bà Trần Thị Kim H đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[4] Về nội dung:

[4.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của Ông T, Hội đồng xét xử xét thấy :

Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải, Ông T trình bày vợ chồng sống chung sau hơn 01 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đã ly thân từ tháng 9/2017 cho đến nay. Nguyên nhân là do bà H có lối sống ích kỷ và vô tâm không nghĩ đến cảm nhận người khác dẫn đến mâu thuẫn. Ông T có sức khỏe không được tốt hay bị bệnh nhưng bà H không quan tâm, chăm sóc nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Ngay sau khi mâu thuẫn phát sinh thì dù hai vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng không có tình cảm gia đình, mỗi người một cuộc sống và thường xuyên cãi vã nhau làm cho không khí gia đình lúc nào cũng nặng nề. Chính vì thế, Ông T đã dọn ra ngoài ở riêng để tránh xung đột xảy ra. Bà H trong bản tự khai cũng xác nhận mình có lỗi trong việc chung tay xây dựng hạnh phúc gia đình và mong muốn có cơ hội sửa chữa nên không đồng ý ly hôn với Ông T. Nhận thấy, mâu thuẫn

trong cuộc sống vợ chồng đều được hai bên thừa nhận, chủ yếu xuất phát từ quan điểm sống và cách sống. Tuy nhiên, sau khi kết hôn được 01 tháng là mâu thuẫn xuất hiện, bản thân bà H chung sống cùng nhà với nhau nhưng cho đến nay vẫn không có biện pháp nào khắc phục tình trạng này. Tại biên bản hòa giải bà H thừa nhận sau khi cưới xong vợ chồng sống như hai người bạn, sống ly thân từ lúc mới cưới đến nay.

Tại phiên tòa, Ông T giữ nguyên yêu cầu ly hôn vì nguyên nhân chính là do bà H sống quá ích kỷ và vô tâm. Bản thân bà H đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa tham gia xét xử. Qua đó cho thấy, bản thân bà H cũng không thiết tha đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nay Ông T xin ly hôn bà H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Hai bên không có con chung nên không xem xét giải quyết.

[4.3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Ông T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn :

Về quan hệ vợ chồng: Ông Nguyễn Cảnh T được ly hôn bà Trần Thị Kim H.

Về con chung: Hai bên không có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận phân chia.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Ông T chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0040999 ngày 02/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với Ông T và kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ đối với bà H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pTân thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.B;
- Chi cục THADS Q.B;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Nhàn